

Số: 107/KH-TrMN

Mỹ Tiến, ngày 24 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NĂM HỌC 2024 - 2025

PHẦN I: NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO

- Căn cứ Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc Hội ban hành Luật an toàn thực phẩm;
- Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ y tế Quyết định về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống”;
- Căn cứ Điều lệ trường mầm non Ban hành kèm theo TT 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo;
- Căn cứ công văn số 597/PGDĐT-GDMN ngày 04/9/2024 phòng GD-ĐT thành phố Nam Định về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2024-2025;
- Trường mầm non Mỹ Tiến xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe năm học 2024-2025 như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

- Căn cứ chương trình giáo dục nhà trường;
- Căn cứ kế hoạch số 97/KH-TrMN ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc xây dựng kế hoạch năm học 2024-2025 của nhà trường;
- Căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường;
- Trường mầm non Mỹ Tiến có 02 điểm trường:
 - + Điểm trường chính: Địa chỉ La Chợ - Mỹ Tiến - Mỹ Lộc - Nam Định.
 - + Điểm trường phụ: Địa chỉ Lang Xá - Mỹ Tiến - Mỹ Lộc - Nam Định.

+ Cả 2 điểm trường đặt ở vị trí trung tâm thuận lợi cho việc đưa, đón trẻ của phụ huynh học sinh.

- Số nhóm, lớp: Nhà trường có 11 nhóm, lớp (2 nhóm trẻ, 9 lớp mẫu giáo).

- Trẻ: Số trẻ bình quân/ nhóm lớp dưới 30 trẻ. 100% trẻ đều ăn bán trú tại trường.

- Giáo viên, nhân viên:

+ Nhà trường có 100% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ được đào tạo đạt chuẩn trở lên, có kinh nghiệm, có kỹ năng sư phạm tốt, yêu nghề, tôn trọng trẻ và là những giáo viên năng động, đầy nhiệt huyết và luôn đam mê học hỏi để trau dồi kiến thức nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ.

+ Đội ngũ nhân viên được phân công nấu ăn phù hợp với năng lực, có nhân viên được đào tạo chuyên ngành mầm non, có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, tận tâm với công việc (chế biến các món ăn, đảm bảo cho trẻ luôn được ăn ngon miệng, hết xuất...) và luôn luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ khác được giao.

- Các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.

- Có đủ khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc như: Phòng học, phòng chức năng, nhà bếp, nhà kho và khu vui chơi ngoài trời

+ Phòng học: Nhà trẻ có 2 phòng, mẫu giáo có 9 phòng. các phòng học và phòng chức năng đều đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông và có một số thiết bị tương đối hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

+ Trong từng nhóm, lớp đều được trang bị giá, kệ, đồ dùng, đồ chơi đầy đủ; bố trí sắp xếp theo các lĩnh vực giáo dục/ góc hoạt động. Có chốt chống kẹp để đảm bảo an toàn cho trẻ

- Hệ thống sân chơi ngoài trời, thiết bị, đồ chơi cho trẻ theo quy định và được thiết kế đảm bảo an toàn phù hợp với trẻ, lấy trẻ làm trung tâm. Môi trường bên trong và bên ngoài lớp học được đảm bảo tuyệt đối an toàn, thân thiện với trẻ.

- Phòng y tế được trang bị một số trang thiết bị tối thiểu.

- Nhà bếp 2 khu được thiết kế hiện đại với hệ thống bếp hoạt động theo quy trình một chiều, đảm bảo đủ diện tích theo quy định và được trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Nhà bếp, kho thực phẩm riêng, phòng ăn của trẻ chung với lớp học sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh.

- Đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị vệ sinh...tương đối đầy đủ. Thường xuyên kiểm tra thiết bị đồ chơi ngoài trời, thiết bị vệ sinh, đồ dùng đồ chơi trong nhóm lớp để tu sửa đảm bảo an toàn cho trẻ trong quá trình hoạt động.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

- Trẻ có đủ đồ dùng ăn uống, đồ dùng vệ sinh cá nhân

- Trẻ được đảm bảo an toàn về mọi mặt trong thời gian tham gia hoạt động tại trường.

- Các nhóm/ lớp duy trì thực hiện công tác vệ sinh cá nhân trẻ (rửa tay, rửa mặt), vệ sinh phòng học, đồ dùng dụng cụ, tủ giá đồ chơi...theo quy định.

- Nhà trường kết hợp với y tế xã khám sức khỏe cho 100% trẻ: Đa số trẻ mắc bệnh về răng, miệng.

- Tổ chức cân nặng, đo chiều cao và chắm biểu đồ cho trẻ năm học 2023-2024 kết quả: **Số trẻ được cân đo 300 trẻ đạt 100%:**

+ Về cân nặng:

Số trẻ phát triển bình thường 298/300 trẻ, tỷ lệ 99,33 % (Trẻ mẫu giáo 221/222, tỷ lệ 99,5%. Trẻ nhà trẻ 77/78, tỷ lệ 98,7%)

Số trẻ SDD 1/300 trẻ, tỷ lệ 0,33% (Trẻ mẫu giáo 0/222, tỷ lệ 100%. Trẻ nhà trẻ 1/78, tỷ lệ 1,3%)

Số trẻ thừa cân, béo phì 1/300 trẻ, tỷ lệ 0,33% (Trẻ mẫu giáo 1/222, tỷ lệ 0,45%. Trẻ nhà trẻ 0/78, tỷ lệ 0%)

+ Về chiều cao:

Số trẻ phát triển bình thường 295/300 trẻ, tỷ lệ 98,33% (Trẻ mẫu giáo 219/222, tỷ lệ 98,64%. Trẻ nhà trẻ 76/78, tỷ lệ 97,43%)

Số trẻ SDTTC 3/300 trẻ, tỷ lệ 1% (Trẻ mẫu giáo 3/222, tỷ lệ 1,35%. Trẻ nhà trẻ 2/78, tỷ lệ 2,5%.

2. Khó khăn:

- Số lượng giáo viên đứng lớp chưa đảm bảo theo quy định.

- Chưa có nhân viên y tế để theo dõi chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

- Một số gia đình cả bố và mẹ thường đi làm xa gửi lại con cho người thân chăm sóc vì vậy phần nào còn ảnh hưởng đến công tác phối kết hợp nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ.

PHẦN II: KẾ HOẠCH CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NĂM HỌC 2024 - 2025

I. Quy mô nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, nhà bếp

1. Chỉ tiêu

- Số khu: 2 khu (khu A và khu B)

- Số bếp ăn: 2 bếp.
- Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo nuôi ăn bán trú theo chỉ tiêu giao theo trẻ diện phổ cập:
 - + Số nhóm trẻ: 2 nhóm trẻ 24- 36 tháng. chỉ tiêu giao 55/142 đạt 38,73%
 - + Số lớp mẫu giáo: 9 lớp. Trong đó: khối 3- 4 tuổi: 3 lớp, khối 4 - 5 tuổi: 3 lớp, khối 5 - 6 tuổi: 3 lớp. Tổng số trẻ giao 261/270 trẻ diện phổ cập
- 100% số trẻ ăn bán trú tại trường.

2. Biện pháp.

- Khu A và khu B đều đặt tại trung tâm khu dân cư nên rất thuận lợi cho trẻ đến trường. Cả 2 khu đều có cổng, tường bao, có nhà bếp và đủ các phòng học để tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ.
- Giao chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp cho từng nhóm/ lớp và tuyên truyền vận động phụ huynh cho trẻ ăn bán trú tại trường.
- Đầu năm học nhà trường nhận trẻ và phân bổ trẻ vào các nhóm/ lớp đảm bảo số trẻ cân đối giữa các nhóm/ lớp.
- Trẻ các nhóm/ lớp được tách theo độ tuổi để thuận lợi khi tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc.

II. Công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.

1. Công tác nuôi dưỡng.

1.1. Chỉ tiêu.

- Ký các loại hợp đồng mua thực phẩm công ty Nam Thăng
- Mức tiền ăn của trẻ: **20.000đ/trẻ/ngày.**
- Xây dựng thực đơn và tính khẩu phần ăn.
- Số lượng bữa ăn:
 - + Mẫu giáo ăn 1 bữa chính và 2 bữa phụ.
 - + Nhà trẻ ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Chất lượng bữa ăn:
 - + Đảm bảo định lượng lương thực, thực phẩm cho các bữa ăn của trẻ.
 - + Tỷ lệ các chất dinh dưỡng đảm bảo cân đối và đạt theo nhu cầu khuyến nghị.
- Nước uống: Trẻ uống nước theo nhu cầu và uống nhiều lần/ ngày.
- 100% nhóm/ lớp tổ chức tốt bữa ăn cho trẻ. 100% trẻ có nền nếp trong ăn uống.

- 100% giáo viên, nhân viên có sức khỏe tốt và thực hiện khám sức khỏe định kỳ.

- 100% nhân viên có kiến thức cơ bản trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (Nhận thực phẩm, sơ chế, chế biến thực phẩm, bảo quản thực phẩm, lưu mẫu thức ăn, vệ sinh thiết bị và dụng cụ, vệ sinh các khu vực trong nhà bếp...).

- 100% nhân viên nuôi dưỡng được trang bị đầy đủ trang phục.

1.2. Biện pháp.

- Tại thời điểm tháng 9/2024 nhà trường tổ chức ký hợp đồng mua thực phẩm với cung cấp thực phẩm

- Thông qua hội nghị họp phụ huynh đầu năm học, nhà trường cùng phụ huynh thống nhất mức tiền ăn của trẻ là **20.000đ/trẻ/ngày** (Tăng 2.000đ so với năm học trước).

- Hàng tháng CBQL phụ trách công tác nuôi dưỡng xây dựng thực đơn và tính khẩu phần ăn. Kết hợp cùng giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng tính ăn hàng ngày theo số trẻ có mặt tại lớp.

- Nhà trường đã áp dụng bảng định lượng lương thực thực phẩm để xây dựng khẩu phần ăn cho trẻ theo độ tuổi như sau:

+ Trẻ nhà trẻ:

Thực phẩm bữa chính	Một xuất cơm(g)	Thực phẩm bữa phụ	Một xuất (g)
Gạo tẻ	50 - 70	Quả chín	100 - 150
Thịt, cá, trứng	15 - 30		
Dầu, mỡ nước	5 - 10	Sữa	100 - 200
Đậu	5 - 10		
Rau, củ, quả	30 - 50		
Nước mắm	5 - 10		

Trẻ ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ. **Mỗi bữa chính trẻ ăn 350 - 400g kể cả cơm và thức ăn mặn.**

+ Trẻ mẫu giáo

Thực phẩm bữa chính	Một xuất cơm (g)	Thực phẩm bữa phụ	Một xuất (g)
Gạo tẻ	80 - 100	Gạo, mỳ gạo	25 - 30
Thịt, cá, trứng	25 - 50	Thịt hoặc cá	15 - 20

Dầu, mỡ nước	10 - 15	Đậu hạt khô	20 - 25
Thực phẩm bữa chính	Một xuất cơm (g)	Thực phẩm bữa phụ	Một xuất (g)
Đậu	10 -20	Quả chín	100 - 150
Rau, củ, quả	30 - 50	Sữa bột pha	100 -150
Nước mắm	5 - 10		

Trẻ ăn 1 bữa chính và 2 bữa phụ. Mỗi bữa chính trẻ ăn 300 - 400g kể cả cơm và thức ăn mặn

- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng trên ngày theo cơ cấu như sau:

Cơ cấu các chất	Nhà trẻ	Mẫu giáo
P	13% - 20%	13% - 20%
L	30% - 40%	25% - 35%
G	47% - 50%	52% - 60%
Kcal	600 - 651 Kcal	615 - 726 Kcal

- Hàng ngày CBQL cùng nhân viên nuôi dưỡng thực hiện nhận thực phẩm. Nhân viên nuôi dưỡng tiếp tục thực hiện theo quy trình (Sơ chế thực phẩm, chế biến thực phẩm, lưu mẫu thức ăn, chia ăn, vệ sinh dụng cụ và trang thiết bị).

- Chia ăn theo số lượng trẻ của từng lớp: Định lượng cơm, canh, thức ăn mặn:

+ Định lượng cơm: Mẫu giáo 190g, nhà trẻ 90g

+ Định lượng canh: Mẫu giáo 5 tuổi: 170g; mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi: 160g; nhà trẻ: 120g

+ Định lượng thức ăn mặn: Chia theo thực tế thức ăn đã nấu chín.

- Đảm bảo đủ nước uống cho trẻ, cho trẻ uống nước theo nhu cầu, đảm bảo có nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.

+ Trẻ nhà trẻ: Nhu cầu nước uống của trẻ từ 0,8 đến 1,6 lít/trẻ/ngày (Nước uống và ăn).

+ Trẻ mẫu giáo: Nhu cầu nước uống của trẻ từ 1,6 đến 2 lít/trẻ/ngày (Nước uống và ăn).

- Nhân viên dinh dưỡng khám sức khỏe định kỳ theo quy định, đảm bảo sức khỏe tốt để thực hiện nhiệm vụ. Thường xuyên mặc trang phục theo quy định

- Chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính, cập nhật hồ sơ nuôi ăn, thu thập chứng từ và lưu trữ theo quy định.

- Các nhóm/ lớp tổ chức bữa ăn cho trẻ theo quy định, tập cho trẻ ăn được các loại thức ăn khác nhau, động viên trẻ ăn hết tiêu chuẩn.

2. Công tác chăm sóc sức khỏe.

2.1. Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, SDDTC

2.1.1. Chăm sóc trẻ thừa cân.

a. Chỉ tiêu.

- Trẻ có chế độ ăn hợp lý, đa dạng, giảm thức ăn giàu chất béo, chất ngọt đường....

- Tăng cường ăn rau xanh

- Trẻ được vận động nhiều

b. Biện pháp.

- Trẻ thừa cân, béo phì cần có một chế độ dinh dưỡng cân đối, hợp lý, đa dạng. Tăng cường ăn cá, hải sản và rau. Giảm đậm độ năng lượng của thức ăn bằng cách giảm thức ăn giàu chất béo, đường ngọt và tăng cường glucid phức hợp (ngũ cốc thô).

- Cho trẻ ăn đúng giờ, không bỏ bữa, nhất là bữa ăn sáng và hạn chế ăn sau 20 giờ. Ăn nhiều vào bữa sáng, bữa trưa và giảm ăn vào bữa chiều và bữa tối.

- Không cho trẻ ăn nhiều quá, lượng thực phẩm mỗi bữa ăn phải phù hợp với tuổi. Nên cho trẻ ăn đủ các bữa trong ngày, không bỏ bữa và không để trẻ quá đói, vì nếu bị quá đói trẻ sẽ ăn nhiều trong các bữa sau làm mỡ tích lũy nhanh hơn.

- Cho trẻ uống sữa tươi không đường hoặc sữa tươi không đường tách béo và giàu canxi.

- Khuyến khích trẻ ăn nhiều rau.

- Hạn chế các món rán, xào, nên cho trẻ ăn các món luộc, hấp và kho.

- Hạn chế cho trẻ uống các loại nước ngọt có ga và các loại nước có nhiều đường.

- Hạn chế cho trẻ ăn các thức ăn giàu năng lượng như xúc xích, hamburger, gà tấm bột chiên (KFC), mì tôm, kem, bánh kem, sôcôla và bánh ngọt.

- Không cho trẻ ăn hoặc uống sữa trước giờ đi ngủ.

- Hạn chế mỡ, phủ tạng động vật và da động vật.

- Trẻ được vận động, thể dục nhiều hơn ngày có thể 2 lần trở lên.

2.1.2. Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân.

a. Chỉ tiêu:

- Tăng cường chất dinh dưỡng cho trẻ
- Bổ sung các bữa phụ.
- Chế độ ăn uống chất và lượng phù hợp.

b. Biện pháp

+ Thứ nhất: Cần đặc biệt tăng cường chất dinh dưỡng. Không những đầy đủ mà cần đa dạng các loại chất dinh dưỡng khác nhau tùy theo độ tuổi, sau đó chế biến thành món ăn phù hợp đối với trẻ.

+ Thứ hai: Thêm dầu mỡ vào các món ăn cho trẻ. Dầu mỡ cung cấp năng lượng gấp đôi chất bột và chất đạm.

+ Thứ ba: Nấu cháo đặc cho trẻ: Cháo loãng cung cấp nhiều nước cho bé, khiến bụng nhanh no nhưng cơ thể hấp thụ được rất ít chất dinh dưỡng. Vì thế, hãy chế biến cháo cho trẻ ở dạng đặc để cung cấp dưỡng chất.

+ Thứ tư: Bổ sung các bữa phụ: Các bữa phụ có thể được cung cấp bằng những thực phẩm như trái cây, sữa... Tuy nhiên, bữa phụ nên được cung cấp sau bữa chính khoảng 2 tiếng để thực sự hiệu quả. Các bữa ăn của trẻ suy dinh dưỡng nên được chia nhỏ làm nhiều lần trong ngày 5-6 lần nhưng thực sự hiệu quả chứ không nên ép trẻ ăn dồn 3 bữa một ngày.

+ Thứ năm: Các món ăn cần chế biến có hương thơm, mùi vị và sắp xếp bắt mắt để hấp dẫn trẻ.

2.1.2. Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi

a. Chỉ tiêu:

- Cung cấp đủ năng lượng theo lứa tuổi của trẻ
- Bổ sung các vi chất dinh dưỡng dưới dạng thuốc như: vitamin D, vitamin A, canxi, kẽm, sắt....

b. Biện pháp:

- Cung cấp đủ năng lượng theo lứa tuổi của trẻ, trẻ không thể cao được nếu chế độ ăn thiếu

tháng tuổi, bổ sung đầy đủ dầu mỡ trong các bữa ăn.

- Ưu tiên các thức ăn chứa nhiều chất đạm: thịt, cá, tôm, cua, trứng, sữa.

- Chọn các thực phẩm giàu canxi, sắt, kẽm: cũng chính là các thức ăn có nguồn gốc động vật.

- Chọn thực phẩm giàu chất đạm: trứng, sữa, thủy sản, thịt... đặc biệt các loại thức ăn có chứa nhiều kẽm như: thịt gà, thịt cóc, con hào...
- Duy trì uống sữa và ăn nhiều tôm, cua, cá hàng ngày.
- Ăn nhiều rau xanh quả chín.
- Chế độ ăn cũng cần bổ sung các vi chất dinh dưỡng dưới dạng thuốc như: vitaminD, vitamin A, canxi, kẽm, sắt....
- Điều trị kịp thời các bệnh còi xương, rối loạn tiêu hóa khi trẻ mắc phải.

2.2. Chăm sóc giấc ngủ.

a. Chỉ tiêu.

Số lần ngủ: 1 lần. Thời gian: Sau bữa ăn chính từ 140 đến 150 phút.

b. Biện pháp.

- * Chuẩn bị trang thiết bị.
 - Phòng ngủ đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, không khí, nhiệt độ, ánh sáng; ấm về mùa đông, mát về mùa hè.
 - Có đủ trang thiết bị: Phản, chăn, đệm, chiếu phù hợp theo mùa. Phân trẻ trai nằm riêng, trẻ gái nằm riêng.
 - Giáo viên luôn có mặt để bao quát trẻ trong thời gian trẻ ngủ trưa.
- * Tổ chức giấc ngủ cho trẻ: Thực hiện các công việc theo quy định (Trước khi cho trẻ ngủ, trong khi trẻ ngủ, sau giờ ngủ).

2.3. Chăm sóc vệ sinh.

a. Chỉ tiêu.

- 100% nhóm/ lớp có đủ đồ dùng, dụng cụ thiết bị vệ sinh theo quy định.
- 100% nhóm/ lớp thực hiện tốt lịch vệ sinh hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý.
- 100% giáo viên nắm vững kiến thức, kỹ năng chăm sóc vệ sinh cá nhân trẻ và vệ sinh môi trường.
- 100% trẻ có nền nếp giữ gìn vệ sinh cá nhân.

b. Biện pháp.

- * Vệ sinh cá nhân: Rửa tay, rửa mặt.
 - Rửa tay: Thời điểm cần rửa tay cho trẻ (trước và sau khi trẻ ăn, sau khi tham gia hoạt động ngoài trời, sau khi đi vệ sinh, sau khi chơi, tiếp xúc với đồ chơi...)

+ Trẻ nhà trẻ: Giáo viên rửa tay cho trẻ dưới vòi nước chảy với xà phòng và hướng dẫn trẻ tự lau khô tay.

+ Trẻ mẫu giáo: Tự rửa tay dưới vòi nước chảy với xà phòng theo quy trình 6 bước.

- Lau mặt : Thời điểm lau mặt (trước và sau khi trẻ ăn, sau khi ngủ dậy và khi mặt bẩn...)

+ Trẻ nhà trẻ: Giáo viên lau mặt cho trẻ

+ Trẻ mẫu giáo: Giáo viên hướng dẫn trẻ tự lau mặt.

* Vệ sinh phòng nhóm/ lớp.

- Các nhóm/ lớp xây dựng lịch vệ sinh và thực hiện để phòng chống các bệnh truyền nhiễm và đảm bảo an toàn cho trẻ.

- Trường hợp có dịch bệnh, việc tẩy trùng, khử khuẩn phòng nhóm/ lớp cần thực hiện theo hướng dẫn của ngành y tế.

* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi: Các nhóm/ lớp xây dựng lịch vệ sinh và thực hiện vệ sinh dụng cụ, đồ dùng cá nhân trẻ như cốc, khăn mặt, bàn ghế, chăn chiếu, đồ chơi...

* Chăm sóc vệ sinh được tổ chức thực hiện linh hoạt theo chế độ sinh hoạt hàng ngày và tích hợp trong các hoạt động giáo dục theo chủ đề để rèn kỹ năng tự lập cho trẻ.

3. Theo dõi, đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ.

a. Chỉ tiêu.

- 100% trẻ tới trường được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng.

- 100% trẻ được theo dõi cân nặng, đo chiều cao và chắm biểu đồ để đánh giá sự phát triển của trẻ.

+ Cân nặng theo tuổi: Kênh bình thường: Nhà trẻ: Đạt 100%, mẫu giáo đạt 97%.

+ Chiều cao theo tuổi: Kênh bình thường: Nhà trẻ đạt 98%, mẫu giáo đạt 97,8

- Khám sức khỏe định kỳ cho học sinh 2 lần/ năm.

b. Biện pháp.

- Đầu năm học nhà trường kết hợp với y tế xã khám sức khỏe cho trẻ thời điểm tháng 10.

- Tổ chức cân nặng, đo chiều cao và chắm biểu đồ để theo dõi sự phát triển của trẻ. Thời điểm cân nặng, đo chiều cao và chắm biểu đồ là 4 lần/ năm học.

- + Lần 1: Cuối tháng 9/2024.
- + Lần 2: Cuối tháng 12/2024
- + Lần 3: Cuối tháng 3/2025.
- + Lần 4: Cuối tháng 5/2025.
- + Lập danh sách và tổng hợp kết quả sau mỗi lần cân, đo và chấm biểu đồ.
- Nhà trường xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng đối với trẻ SDD thể nhẹ cân, trẻ thừa cân và SDD thể thấp còi.

4. Công tác phối kết hợp với cha mẹ trẻ trong nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe.

a. Chỉ tiêu.

- Phối kết hợp với cha mẹ trong việc thực hiện chương trình chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho trẻ hướng dẫn cha mẹ trẻ có kiến thức chăm sóc cũng như theo dõi sức khỏe của trẻ theo định kỳ.

- Tạo sự thống nhất, hợp tác, thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ trẻ về nội dung, phương pháp, cách thức, hình thức tổ chức trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ ở nhà trường cũng như trong gia đình.

b. Biện pháp.

- Thông qua bảng tuyên truyền có những nội dung quan trọng, những thông tin cha mẹ cần biết như: Phòng chống dịch bệnh cho trẻ theo mùa, kết quả cân đo theo dõi sức khỏe trẻ em theo quý...

- Tuyên truyền công tác bán trú ở trường mầm non, chế độ ăn như thế nào là đủ dinh dưỡng, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm...

- Vận dụng mạng xã hội zalo lập nhóm phụ huynh của lớp để trao đổi về tình hình chăm sóc sức khỏe trẻ. Hướng dẫn phụ huynh kịp thời nắm bắt được thông tin, biết được cách nuôi dưỡng con theo khoa học. Có sách báo, tài liệu hướng dẫn cách nuôi dạy con theo khoa học cho phụ huynh mượn đọc.

- Phối kết hợp tốt với phụ huynh trong việc thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ

III. Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng đồ chơi.

1. Chỉ tiêu.

- Phòng học: Có 11 phòng học (Nhà trẻ: 2 phòng; mẫu giáo: 9 phòng).
- Phòng chức năng: 4 phòng. (2 phòng TC, 1 phòng thư viện, 1 phòng nghệ thuật)

- Tổng diện tích 2 khu: 5.253m² (Khu A: 3.574,3m² ; khu B: 1.678,8m²).
- Sân chơi có thiết bị đồ chơi ngoài trời, các khu vực trải nghiệm, vườn cây ... quy hoạch phù hợp và đảm bảo xanh - an toàn - thân thiện.
- 100% lớp có đủ thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.
- 100% trẻ có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân, đồ dùng ăn uống hợp vệ sinh...
- 100% số lớp có đủ sạp nằm, chiếu, đệm, chăn.gối.
- 100% nhà bếp bố trí sắp xếp theo quy trình 1 chiều.
- 100% bếp ăn có đủ đồ dùng sơ chế, chế biến thực phẩm. Có riêng đồ dùng sơ chế chế biến thực phẩm sống và thực phẩm chín. Có tài liệu phục vụ công tác nuôi dưỡng và hồ sơ nuôi ăn bán trú. Nhân viên được trang bị đủ trang phục nấu ăn.
- Có đủ nước sạch phục vụ sinh hoạt cho trẻ.

2. Biện pháp

- Trong năm học nhà trường có duy trì số phòng học, phòng chức năng hiện có để quy định số học sinh từng lớp cho phù hợp.
- Đầu năm học nhà trường phát động trồng cây xanh, phân công giáo viên chăm sóc cây, chăm sóc vườn rau xanh để tạo môi trường xanh sạch đẹp.
- Đầu năm học nhà trường chỉ đạo các lớp rà soát thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe, lập danh mục thiết bị cần mua mới và tu sửa về nhà trường để nhà trường có kế hoạch tu sửa, mua thiết bị, đồ dùng dụng cụ phục vụ công tác nuôi dưỡng.
- Hợp phụ huynh học sinh để cùng phụ huynh bổ sung đồ dùng ăn, uống, chăn, chiếu, đệm, yếm ăn, đồ dùng vệ sinh ...cho trẻ.
- Nhà trường sử dụng nguồn nước máy hợp vệ sinh và đủ cung cấp cho trẻ sinh hoạt hàng ngày.
- Nhà trường có đủ các loại sổ nuôi: Sổ tính ăn, sổ báo ăn, sổ tính khẩu phần ăn, sổ nhập chợ, sổ kho.
- Nhà trường mua bổ xung đủ trang phục cho giáo viên, nhân viên: Tạp dề, khẩu trang, mũ.

IV. Đội ngũ

1. Chỉ tiêu

- * Nhà trường có 3 cán bộ quản lí. Trong đó:
 - Hiệu trưởng: 1 người. Trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm mầm non.
- Chúng chỉ nấu ăn: Không có

- Phó hiệu trưởng: 2 người. Trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm mầm non. Chứng chỉ nấu ăn: Không có

* Giáo viên:

- Tổng giáo viên 16 người

- Trình độ chuyên môn:

+ Đại học sư phạm mầm non: 7 người

+ Cao đẳng sư phạm mầm non: 9 người

- Tổng số nhân viên: 8 người. Trong đó nhân viên dinh dưỡng: 5 người; nhân viên kế toán: 1, nhân viên bảo vệ: 2 người.

+ Trung cấp SPMN: 1 người

+ Đại học kế toán: 1 người

+ Chưa đào tạo: 6 người (4 NV và 2 BV)

- Công tác bồi dưỡng giáo viên, nhân viên

+ Giáo viên, nhân viên thực hiện tốt quy trình sơ chế, chế biến thực phẩm, tính khẩu phần ăn cho trẻ.

+ Giáo viên được đi tập huấn tham quan trường bạn.

+ Giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức dinh dưỡng, VSATTP phòng chống các dịch bệnh.

- Duy trì sinh hoạt tổ nhóm hàng tháng.

2. Biện pháp

- Nhà trường cung cấp tài liệu: Tập san của ngành, thông tin trên mạng để giáo viên tự học tập bồi dưỡng kiến thức dinh dưỡng VSATTP.

- Nhà trường cung cấp tài liệu chế biến các món ăn cho trẻ mầm non, hướng dẫn cách chăm sóc trẻ và nối mạng để giáo viên cập nhật thông tin nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng.

- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia lớp tập huấn do Phòng GD &ĐT tổ chức nâng cao nhận thức cho giáo viên trong việc lựa chọn thực phẩm cho trẻ.

- Bồi dưỡng giáo viên, nhân viên tính ăn cho trẻ. Chia ăn theo số trẻ thực tế trên ngày.

- Tổ chức thực hành vệ sinh cá nhân trẻ. Chấm biểu đồ...

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn: Trao đổi, đọc lí thuyết hướng dẫn, tổ chức hoạt động học có lồng vệ sinh, dinh dưỡng, giữ sức khỏe, làm đồ dùng đồ chơi và mặc phù hợp theo mùa, công tác tuyên truyền hàng tháng.

V. Công tác quản lí

1. Chỉ tiêu

- BGH nhà trường theo dõi chung việc thực hiện công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe của các lớp.

- Các đồng chí tổ trưởng nhà trẻ, tổ trưởng mẫu giáo, trưởng 2 khu theo dõi, đôn đốc các hoạt động của khu, tổ chức sinh hoạt tổ hàng tháng và cùng giáo viên thực hiện tốt kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.

2. Biện pháp.

- Các đồng chí tổ trưởng, trưởng khu phối kết hợp với BGH nhà trường theo dõi việc tổ chức hoạt động hàng ngày của các lớp.

- Theo dõi công tác sử dụng thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.

VI. Công tác kiểm tra

1. Chỉ tiêu.

Trong năm học nhà trường tiến hành kiểm tra thường xuyên nhà bếp và các nhóm lớp.

2. Biện pháp.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra về mọi mặt như: Kiểm tra công tác tuyên truyền, kiểm tra công tác thực hiện nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe: Vệ sinh nhà bếp, lớp học, đồ dùng đồ chơi, thực phẩm trong ngày...kiểm tra tổ chức hoạt động có lồng nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe...để rút kinh nghiệm, bổ xung và điều chỉnh những mặt còn hạn chế của giáo viên và nhân viên.

V. Công tác tuyên truyền XHHGD

1. Chỉ tiêu

- 100% số lớp thực hiện tốt công tác tuyên truyền về công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

- Phối hợp chặt chẽ thông tin 2 chiều giữa nhà trường và gia đình về công tác nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

- Phối hợp với ban văn hóa xã tuyên truyền công tác truyền thông về sức khỏe của trẻ trong trường mầm non đến toàn bộ cộng đồng.

- Thực hện công tác XHHGD để trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

2. Biện pháp

- Thông qua cuộc họp phụ huynh nhà trường tuyên truyền công tác nuôi dưỡng - chăm sóc trẻ ở trường, những yêu cầu cần thiết trong việc nuôi dưỡng trẻ theo khoa học, những đồ dùng, thiết bị cần có phục vụ công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe để cùng phụ huynh mua bổ sung.

- Nhà trường làm bảng tuyên truyền lớn và chỉ đạo các lớp bảng tuyên truyền có nội dung về công tác chăm sóc sức khỏe- nuôi dưỡng: Lựa chọn thực phẩm tươi ngon, bữa ăn có đủ 4 nhóm thực phẩm, những điều phụ huynh cần biết, chế độ sinh hoạt 1 ngày của trẻ, thực đơn trong ngày của trẻ và một số nền nếp vệ sinh văn minh trong ăn uống, vệ sinh thân thể của trẻ trong trường mầm non, phòng và tránh một số bệnh theo mùa.

- Tuyên truyền qua tổ chức sinh nhật...

- Viết bài tuyên truyền gửi video qua zalo nhóm lớp về nội dung dinh dưỡng và sức khỏe.

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trường mầm non Mỹ Tiến xây dựng và triển khai thực hiện trong năm học 2024-2025.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Thị Minh Chính

**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đã ký

Trần Thị Hải Yến

DỰ KIẾN CÔNG VIỆC HÀNG THÁNG

Tháng năm	Nội dung công việc	Người thực hiện	Ghi chú
Tháng 8/2024	Xây dựng thực đơn tháng 9	PHT	
	Tập huấn chuyên môn Hướng dẫn tổ chức các hoạt động GDDD và sức khỏe cho trẻ trong cơ sở GDMN	PHT,GV,NV	
Tháng 9/2024	Sửa chữa, mua thiết bị, dụng cụ đồ dùng cho nhà bếp và các nhóm/ lớp	BGH	
	- Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe. - Xây dựng KHPHTSDD. - Xây dựng kế hoạch y tế trường học.	BGH	
	- Ký hợp đồng thực phẩm BGH, NVND - Cân nặng, đo chiều cao và chắm biểu đồ - Xây dựng thực đơn tháng 10	Các PHT GV	
Tháng 10/2024	Tuyên truyền phòng chống SDD,TC, TC.các bệnh thường gặp ở trẻ và cách bảo quản thực phẩm	GV, NV	
	Phối kết hợp với y tế xã khám sức khỏe cho trẻ SHCM: Tổ chức hoạt động có tích hợp nội dung chăm sóc vệ sinh	NV y tế	
	Kiểm tra thực hiện công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ	BGH	
	- Xây dựng thực đơn tháng 11/2024	Các PHT	
Tháng 11/2024	Bổ sung chăn, ga cho các nhóm/	BGH, GV	

	lớp		
	Rà soát bảng biểu của nhà bếp, bảng tuyên truyền của nhà trường để thay thế Cân nặng, đo chiều cao và chắm biểu đồ	PHT và giáo viên	
	Kiểm tra công tác tuyên truyền và việc thực hiện công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ	BGH	
	- Kiểm tra chăm sóc vệ sinh: Rửa mặt, rửa tay. - Xây dựng thực đơn tháng 12/2024	Các PHT	
Tháng 12/2024	Kiểm tra thực hiện công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ	BGH, GV, NV	
	SHCM: Tổ chức hoạt động có tích hợp nội dung chăm sóc vệ sinh		
	Cân nặng, đo chiều cao và chắm biểu đồ	GV	
	- Kiểm tra công tác tuyên truyền và việc thực hiện công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ. - Xây dựng thực đơn tháng 1/2025	Các PHT	
Tháng 1/2025	- Kiểm tra, rà soát trang thiết bị, đồ dùng dụng cụ, thiết bị vệ sinh, điện, nước...để bổ sung hoặc thay mới. - Tổng vệ sinh các khu vực, phòng học, nhà bếp trước khi nghỉ tết - Xây dựng thực đơn tháng 2/2025	Các PHT, GV, NV	
	Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 27/1/2025 đến 02/2/2025	BGH, GV, NV	
Tháng 2/2025	- Vệ sinh thiết bị, đồ dùng dụng cụ, đồ chơi và các khu vực sau nghỉ tết.	Các PHT và GV	

	- Xây dựng môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ trong mùa xuân.		
	Kiểm tra công tác tuyên truyền và việc thực hiện công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ. SHCM: Tổ chức hoạt động có tích hợp nội dung chăm sóc vệ sinh	Các PHT	
	Xây dựng thực đơn tháng 3/2025.	PHT	
Tháng 3/2025	Kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.	Các PHT và GV	
	Tạo hình đồ dùng đồ chơi về dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe	PHT và giáo viên	
	Cân nặng, đo chiều cao và chấm biểu đồ	Giáo viên	
	Xây dựng thực đơn tháng 4/2025.	PHT	
Tháng 4/2025	Kiểm tra công tác tuyên truyền và việc thực hiện công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ. - Đón đoàn Kiểm tra chuyên ngành	Các PHT và GV	
	SHCM: Tổ chức hoạt động có tích hợp nội dung chăm sóc vệ sinh.	PHT và giáo viên	
	- Xây dựng thực đơn tháng 5/2025.	PHT và GV PHT	
Tháng 5/2025	Tổ chức hoạt động “Dinh dưỡng sức khỏe cho bé”	GV	
	Đánh giá sự phát triển của trẻ theo mục tiêu giáo dục	Các PHT và các tổ trưởng	
	Báo cáo kết quả thực hiện	PHT	
	Cân đo trẻ lần 4 Cân nặng, đo chiều cao và chấm biểu đồ.	PHT và giáo viên	

